

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2023

*“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Hoàng Vũ**

2- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn V A**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp AT, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TH, xã ĐT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Nhật D**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp AT, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn V A trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Nhật D tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 19/8/2020 âm lịch, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/3/2021. Sau khi cưới chị và anh D sống chung với gia đình của chồng. Trong quá trình chung sống mẹ chồng hay la mắng chị, cho rằng chị không nghe lời mẹ chồng. Mẹ chồng chị kêu vợ chồng chị đi lên Đồng Nai làm thuê, do con còn nhỏ nên chị nói với mẹ chồng là để anh D đi làm trước, chị ở nhà nuôi con, khi nào con lớn chị lên làm sau. Do đó mẹ chồng và chồng chị đi lên Đồng Nai làm, chị ở lại nhà chồng không tiện nên chị về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp TH, xã DT, huyện AM, khi nào anh D đi làm về thì chị về sống với anh D.

Trong thời gian anh D đi làm chị có điện thoại nói với anh D khi nào chị lên làm thì vợ chồng thuê nhà trọ ở riêng nhưng anh D không đồng ý. Từ khi đi làm đến nay anh D không quan tâm chị và con, không gửi tiền về cho chị nuôi con, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh D không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Đ N, sinh ngày 23/3/2022, giới tính nữ, hiện chị đang nuôi dưỡng con. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 2.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh D có 10 chỉ vàng 24k là vàng cưới, tiền hụi 13.000.000đ, tiền bắt tôm càng mượn 25.000.000đ, tiền nuôi tôm 35.000.000đ. Mẹ chồng chị đã mượn hết số tài sản trên. Chị yêu cầu mẹ chồng chị trả lại vàng và tiền, yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản với anh D, mỗi người nhận một nửa. Tại phiên hòa giải chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Trần Nhật D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị V A quen biết nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 19/8/2020 âm lịch, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/3/2021. Khi anh đi làm thì chị V A không sống bên nhà cha, mẹ anh mà bỏ về nhà mẹ ruột sống rồi làm đơn yêu cầu ly hôn với anh. Đã Nều lần chị V A yêu cầu ly hôn với anh, nếu không hàn gắn được thì anh đồng ý ly hôn với chị V A.

- Về con chung: Anh và chị V A có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Đ N, sinh ngày 23/3/2022, giới tính nữ. Chị V A đang nuôi dưỡng con. Anh không đồng ý

cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị V A không nuôi con được thì giao con cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị V A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm Công ty ở Bình Dương thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị V A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị V A giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con về mức cấp dưỡng nuôi con, chị thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng là yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Anh D vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Nhật D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn V A và anh Trần Nhật D xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 19/8/2020 âm lịch, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/3/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa chị V A và anh D là hợp pháp.

Nguyên nhân chị V A yêu cầu ly hôn với anh D theo chị V A trình bày là do anh D không quan tâm, chăm sóc chị V A và con còn anh D cho rằng khi anh đi làm thì chị V A bỏ về nhà mẹ ruột sống và Nều lần yêu cầu ly hôn với anh. Vợ chồng không hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống được thì anh đồng ý ly hôn với chị V A.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị V A và anh D thì chính quyền địa phương cho biết trong thời gian chị

V A và anh D đi làm ăn xa có mâu thuẫn gì không thì chính quyền địa phương không rõ, chỉ biết thông tin do người nhà anh D cung cấp là khi anh D đi làm xa thì chị V A về nhà mẹ ruột sống.

HĐXX nhận thấy, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị V A với anh D chưa đến mức trầm trọng. Tuy Nên, giữa chị V A và anh D đều thống nhất đồng ý ly hôn với nhau khi hòa giải nên HĐXX ý kiến này để xử cho chị V A và anh D ly hôn với nhau.

- Về con chung: Chị V A và anh D có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Đ N, sinh ngày 23/3/2022, giới tính nữ. Chị V A đang nuôi dưỡng con. Khi ly hôn, chị V A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị V A không nuôi con được thì giao con cho anh D nuôi, anh không yêu cầu chị V A cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Nguyễn Đ N chưa đủ 36 tháng tuổi, từ trước đến nay cháu N được chị V A nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu cho chị V A tiếp tục nuôi dưỡng, đảm bảo ổn định môi trường sống cho cháu N và cũng phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh D có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về mức cấp dưỡng, chị V A yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mặc dù anh D không đồng ý nhưng căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về mức cấp dưỡng, anh D xác định hiện nay mức thu nhập bình quân của anh khoảng 10.000.000đ/tháng. Xét yêu cầu của chị V A đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Trên cơ sở giá cả thị trường, bình quân thu nhập của D thấy rằng việc chị V A yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Thời gian cấp dưỡng, khi bản án có hiệu lực pháp luật thì chị V A có quyền yêu cầu thực hiện theo Luật thi hành án Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện chị V A yêu cầu phân chia tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị V A đã rút lại yêu cầu này. Anh D cũng đồng ý tự thỏa thuận với chị V A, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 18/4/2023, Tòa án đã ra quyết định tách vụ án đối với phần yêu cầu này thành một vụ án hôn nhân khác và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn V A phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị V A đã nộp là 1.562.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo lai thu số 0005845 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả lại cho chị V A số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.262.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Anh Trần Nhật D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn V A được ly hôn với anh Trần Nhật D.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Đ N, sinh ngày 23/3/2022, giới tính nữ cho chị Nguyễn V A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Nhật D có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Buộc anh Trần Nhật D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức là 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V A và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn V A phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn V A đã nộp là 1.562.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng), theo lai thu số 0005845 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả lại cho Chị Nguyễn V A số tiền tạm ứng án phí là 1.262.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Anh Trần Nhật D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/5/2023). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã AMB;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh